

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-ST

Ngày 29 - 4 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2025/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quang H1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Thôn 1, xã E1, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 23/6/2021 bà H có cho vợ chồng ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T vay số tiền 3.450.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 23/7/2021 sẽ trả. Khi vay có mặt cả hai vợ chồng ông H1, bà T và bà T có ký xác nhận vào giấy vay tiền, bà H đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông H1, bà T. Mục đích vay thì bà H chỉ nghe nói ông H1, bà T vay về làm ăn kinh doanh trong gia đình. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng ông H1, bà T vẫn không trả nợ theo giấy vay tiền và còn cố tình lẩn tránh, mặc dù bà H đã liên hệ, yêu cầu trả nợ nhưng không được.

Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quang H1 và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền nợ gốc đã vay là 3.450.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng), về lãi suất không yêu cầu.

Ngày 20/4/2026 nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Quang H1 liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim T trả số tiền vay 3.450.000.000 đồng.

Về Kết luận giám định số 34/KL-KTHS ngày 07/01/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk thì nguyên đơn hoàn toàn đồng ý.

Bị đơn ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Cơ quan thừa phát lại niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định và được Tòa án Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng ông H1, bà T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện tương đối tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 3.450.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút đối với ông Trần Quang H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại xã E1, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

Bị đơn ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 23/6/2021, bà Trần Thị Thanh H cho vay số tiền 3.450.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền, hẹn thời hạn trả nợ vào ngày 23/7/2021. Giấy vay tiền thể hiện người vay là bà Nguyễn Thị Kim T và có chữ ký của bà T.

Theo Kết luận giám định số 34/KL-KTHS ngày 07/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Đắk Lắk, chữ ký trên giấy vay tiền là của bà Nguyễn Thị Kim T. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà Trần Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Kim T đã xác lập hợp đồng vay tài sản hợp pháp. Đến hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị Kim T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T trả số tiền nợ gốc 3.450.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng khi vay tiền ông Trần Quang H1 có mặt và khoản vay nhằm mục đích kinh doanh trong gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H1 không ký tên trên giấy vay tiền và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cùng tham gia xác lập nghĩa vụ vay. Đồng thời, ngoài lời trình bày của nguyên đơn, không có chứng cứ chứng minh khoản vay được sử dụng vào nhu cầu chung của gia đình hoặc do ông H1 cùng thỏa thuận xác lập. Do đó, không có căn cứ xác định ông Trần Quang H1 là đồng nghĩa vụ trả nợ hoặc đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc ông Trần Quang H1 liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim T trả nợ: Mặc dù chưa đủ căn cứ xác định ông Trần Quang H1 là đồng nghĩa vụ trả nợ như phân tích tại mục [2.1], tuy nhiên ngày 20/4/2026 nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Quang H1 liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim T trả số tiền vay 3.450.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[2.3] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Từ những phân tích ở mục [2.1], [2.2] và [2.3], HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 3.450.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng). Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút đối với ông Trần Quang H1.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Do nguyên đơn bà H đã nộp tạm ứng nên cần buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) cho bà Trần Thị Thanh H.

[3.2] Về chi phí đăng tin: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H có yêu cầu thông báo nên phải chịu 3.425.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chi phí đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Bà H đã nộp đủ và chi phí xong.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 72.000.000 đồng + $[(3.450.000.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) \times 2\%]$ = 101.000.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 162, khoản 2 Điều 180, khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 3.450.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H về việc buộc ông Trần Quang H1 liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim T trả nợ số tiền 3.450.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định cho bà Trần Thị Thanh H.

3.2. Về chi phí đăng tin: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H phải chịu 3.425.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chi phí đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Bà H đã nộp đủ và chi phí xong.

4. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 101.000.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Trần Thị Thanh H 50.500.000 đồng (Năm mươi triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003553 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam